

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 3 - 2026

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 288/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn Q, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Đoàn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau, hai bên gia đình không có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ở tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

Quá trình chung sống vợ chồng bà không có hạnh phúc, lý do ông Q thường xuyên nhậu về nhà quậy phá, mắng chửi đánh đập bà. Do thấy các con còn nhỏ nên bà cố gắng chịu đựng và khuyên nhủ ông Q thay đổi nhưng đến nay ông Q vẫn vậy, khiến cho cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khoảng tháng 10/2025, ông Q có hành vi sử dụng dao định chém bà nhưng được mọi người can ngăn, do lo sợ bị đánh nên từ tháng 10/2025 đến nay, bà về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn sống chung. Nay do mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không

còn yêu thương chăm sóc nhau, bà không còn tình cảm với ông Q nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là anh Đoàn Ngọc C, sinh ngày 23/3/2001 và chị Đoàn Thị T, sinh ngày 27/6/2006; anh C và chị T đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/12/2025, bị đơn ông Đoàn Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Kim N. Lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, hiện nay không còn sống chung với nhau.

Về con chung gồm có các con Đoàn Ngọc C và Đoàn Thị T. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông phải đi làm không có thời gian tới Tòa án làm việc nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc ở Tòa án, vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Các đương sự xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Đoàn Văn Q. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy

định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M, thị xã P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60 ngày 15/9/2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày: Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do ông Q thường xuyên nhậu về nhà quậy phá, mắng chửi đánh đập bà. Từ tháng 10/2025 đến nay, bà và ông Q không còn sống chung, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau. Ông Q biết bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông Q đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là anh Đoàn Ngọc C, sinh ngày 23/3/2001 và chị Đoàn Thị T, sinh ngày 27/6/2006. Các con đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim N được ly hôn với ông Đoàn Văn Q.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004006 ngày 26/11/2025 của của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa (GCNKH số: 60, ngày 15/9/2000);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu